

GIÁO DỤC TÍCH HỢP TRONG NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG HIỆN NAY - THỰC CHẤT VÀ GIẢI PHÁP

Vũ Công Hào

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Tóm tắt: Bài nghiên cứu tiếp cận “giáo dục tích hợp” như một nguyên lý tổ chức giáo dục hiện đại, làm rõ sự khác biệt giữa “dạy học tích hợp” và “giáo dục tích hợp”, đồng thời phân tích các quan điểm lý luận tiêu biểu từ Dewey, Postman và Jacobs. Dựa trên khảo sát 216 giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục tại Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Vinh và Huế; bài viết cho thấy giáo dục tích hợp trong trường phổ thông hiện nay còn thiên về hình thức, thiếu đồng bộ trong triển khai và chưa thực sự gắn với phát triển năng lực người học. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất hệ thống giải pháp từ chính sách, chương trình, đội ngũ đến hạ tầng công nghệ nhằm thúc đẩy giáo dục tích hợp một cách thực chất trong bối cảnh đổi mới và chuyển đổi số giáo dục hiện nay.

Từ khóa: Giáo dục tích hợp; chương trình giáo dục phổ thông; năng lực người học; chuyển đổi số; dạy học liên môn.

Nhận bài ngày: 05.10.2025 ; gửi phản biện, chỉnh sửa và duyệt đăng ngày: 26.11.2025

Liên hệ tác giả: Vũ Công Hào; Email: vchao@daihocthudo.edu.vn

1. MỞ ĐẦU

Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, được xác lập trong Nghị quyết số 29-NQ/TW (2013) với mục tiêu chuyển nền giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực người học. Quá trình này không chỉ đòi hỏi điều chỉnh chương trình, phương pháp và cách thức đánh giá, mà còn đặt ra yêu cầu cấp thiết phải xem xét lại tổng thể hệ thống giáo dục – từ triết lý, cấu trúc nội dung đến mô hình tổ chức dạy học. Trong bối cảnh ấy, giáo dục tích hợp nổi lên như một tiếp cận mang tính nền tảng nhằm hiện thực hóa mục tiêu phát triển con người toàn diện, thích ứng với thời đại đổi mới và hội nhập quốc tế.

Giáo dục tích hợp không đơn thuần là việc kết nối kiến thức giữa các môn học, mà là cách tổ chức giáo dục dựa trên sự phối hợp hài hòa giữa lý thuyết và thực tiễn, giữa nội khóa và ngoại khóa, giữa các lĩnh vực đức – trí – thể – mỹ. Mô hình này hướng tới việc phát triển năng lực toàn diện cho người học, giúp họ không chỉ biết mà còn biết làm, biết sống và biết chung sống, như tinh thần của UNESCO đã khuyến nghị. Trong điều kiện Việt Nam đang triển khai *Chương trình giáo dục phổ thông 2018* theo định hướng phát triển năng lực, giáo dục tích hợp trở thành một cấu phần không thể thiếu để kết nối các thành tố chương trình thành một chỉnh thể có ý nghĩa thực tiễn và nhân văn sâu sắc.

Tuy nhiên, thực tế triển khai giáo dục tích hợp tại các nhà trường phổ thông hiện nay vẫn còn nhiều khoảng trống cả về nhận thức, năng lực tổ chức thực hiện, cơ sở vật chất và cơ chế hỗ trợ. Do đó, việc nhận diện rõ thực chất giáo dục tích hợp đang được thực hiện như thế nào, đâu là những điểm nghẽn trong triển khai, và cần những giải pháp gì để nâng cao hiệu quả là yêu cầu cấp thiết, không chỉ phục vụ cho việc đánh giá chất lượng đổi mới giáo dục mà còn tạo nền tảng cho định hướng phát triển lâu dài của hệ thống giáo dục phổ thông.

2. NỘI DUNG

2.1. Giáo dục tích hợp trong nhà trường phổ thông – Phương pháp hay là bản chất?

2.1.1. Khái niệm giáo dục tích hợp và dạy học tích hợp

Trong lý luận giáo dục hiện đại, cần phân biệt rõ giữa khái niệm “giáo dục tích hợp” (integrated education) và “dạy học tích hợp” (integrated teaching).

Dạy học tích hợp là một phương pháp tổ chức hoạt động dạy học, trong đó các nội dung từ nhiều môn học hoặc lĩnh vực kiến thức được liên kết nhằm tạo điều kiện cho người học nhận thức tri thức một cách hệ thống và vận dụng hiệu quả trong thực tiễn. Dạy học tích hợp là một phương pháp tổ chức hoạt động giảng dạy, trong đó kiến thức từ nhiều môn học hoặc lĩnh vực được kết nối một cách chủ đích nhằm tạo ra trải nghiệm học tập toàn diện, gắn với thực tiễn. Robin Fogarty và Brian Pete (2009), trong tác phẩm *How to Integrate the Curricula*, đã đề xuất mười mô hình tích hợp từ đơn môn đến liên ngành, cho thấy nhiều cấp độ khác nhau trong việc tổ chức nội dung dạy học tích hợp. Theo các tác giả, mục tiêu của việc tích hợp là giúp học sinh hiểu rõ mối quan hệ giữa các lĩnh vực tri thức, từ đó hình thành tư duy hệ thống, năng lực phân tích, tổng hợp và vận dụng linh hoạt kiến thức trong các tình huống thực tiễn. Fogarty và Pete nhấn mạnh: “Integrated curriculum is not a new term, but its interpretation varies. In its most connected form, integration helps students construct meaning across disciplines by linking content to life experiences.” (*Chương trình tích hợp không phải là khái niệm mới, nhưng cách hiểu rất đa dạng. Ở cấp độ kết nối cao nhất, tích hợp giúp học sinh kiến tạo ý nghĩa xuyên qua các môn học bằng cách liên hệ nội dung với trải nghiệm cuộc sống*) (Fogarty & Pete, 2009, p.9).

Từ góc nhìn này, có thể thấy dạy học tích hợp không chỉ giúp học sinh ghi nhớ kiến thức, mà còn định hướng cách học sinh tư duy – thông qua kết nối, phân tích và vận dụng – phù hợp với cách học tập và làm việc trong thế kỷ XXI.

Trong khi đó, *giáo dục tích hợp* mang nghĩa bao trùm và sâu rộng hơn. Đây không chỉ là việc kết hợp các nội dung học thuật, mà là sự hòa quyện giữa các phương diện giáo dục – bao gồm tri thức, kỹ năng, phẩm chất và thái độ – nhằm phát triển con người toàn diện. Theo Drake và Burns (2004), giáo dục tích hợp là cách tổ chức chương trình nhằm tạo ra các kết nối có ý nghĩa giữa các lĩnh vực tri thức, kỹ năng sống và thực tiễn đời sống xã hội. Các tác giả nhấn mạnh rằng: “The integrated curriculum is about making connections. Teachers integrate when they interweave skills, knowledge, and values across subject areas and when they relate the curriculum to real life.” (*Chương trình tích hợp là việc tạo ra các kết nối. Giáo viên thực hiện tích hợp khi họ lồng ghép kỹ năng, tri thức và giá trị qua các môn học và liên hệ chương trình học với cuộc sống thực tế*) (Drake & Burns, 2004, p.2)

Tại Việt Nam, quan điểm về giáo dục tích hợp được thể hiện rõ trong định hướng xây dựng chương trình giáo dục phổ thông theo tinh thần phát triển phẩm chất và năng lực học sinh. Trong *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT* ban hành Chương trình giáo dục phổ thông, Bộ Giáo dục và Đào tạo nhấn mạnh rằng: “Chương trình giáo dục phổ thông được thiết kế theo hướng mở, bảo đảm tính tích hợp ở cấp tiểu học và định hướng phân hóa dần ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông, đồng thời chú trọng kết nối giữa các môn học và hoạt động giáo dục.” (Điều 3, khoản 2, *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT*, ngày 26/12/2018). Trong *Tài liệu Hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục phổ thông tổng thể* (Ban hành kèm theo Quyết định số 404/QĐ-BGDĐT ngày 22/01/2019), Bộ GD&ĐT cũng làm rõ rằng việc thiết kế chương trình theo hướng tích hợp là nhằm “giúp học sinh phát triển toàn diện năng lực, phẩm chất thông qua các mạch nội dung liên môn, lồng ghép và gắn với thực tiễn cuộc sống” (Bộ GD&ĐT, 2019, tr.5).

Từ đó có thể thấy, trong cách tiếp cận của Việt Nam, giáo dục tích hợp không chỉ là một lựa chọn phương pháp, mà là nguyên tắc tổ chức chương trình có tính hệ thống, xuyên suốt. Giáo dục tích hợp được hiểu là sự phối hợp nội dung giữa các môn học và hoạt động giáo dục, nhằm đảm bảo cho học sinh có cái nhìn toàn diện, phát triển đồng thời các năng lực chung và năng lực đặc thù, cũng như vận dụng kiến thức trong các tình huống thực tế thay vì học một cách phân mảnh và hàn lâm.

2.1.2. Quan điểm lý luận về bản chất của giáo dục tích hợp

Giáo dục tích hợp không phải là một hiện tượng mới xuất hiện trong thế kỷ XXI, mà đã có cơ sở triết lý và thực tiễn từ những nhà cải cách giáo dục vĩ đại đầu thế kỷ XX. Trong đó, John Dewey là một trong những người đầu tiên đặt nền móng cho tư tưởng tích hợp thông qua triết lý giáo dục thực dụng (pragmatist education). Trong tác phẩm kinh điển *Democracy and Education*, Dewey (1916) viết: “Education is not preparation for life; education is life itself.” (*Giáo dục không phải là*

sự chuẩn bị cho cuộc sống; giáo dục chính là cuộc sống.) (Dewey, 1916, p.239)

Dưới góc nhìn của Dewey, giáo dục không thể bị giới hạn trong không gian lớp học hay trong khuôn khổ các môn học tách biệt. Ông xem nhà trường là một xã hội thu nhỏ, nơi học sinh cần được tham gia vào các hoạt động thực tiễn và học tập qua trải nghiệm để phát triển trí tuệ, đạo đức và trách nhiệm công dân. Như vậy, giáo dục – trong nghĩa thực sự – là một quá trình sống động, trong đó học sinh học cách hành động, tư duy và thích nghi thông qua những tình huống gắn với đời sống thực tế. Đây là cơ sở lý luận đầu tiên và sâu sắc nhất cho quan niệm giáo dục tích hợp, trong đó ranh giới giữa nhà trường và đời sống không còn là đường phân chia tuyệt đối, mà là một quá trình tương tác liên tục và biện chứng.

Tiếp nối tư tưởng này, Neil Postman (1995), trong *The End of Education: Redefining the Value of School*, đã đưa ra một quan điểm phê phán, tranh biện mạnh mẽ đối với cấu trúc chương trình giáo dục hiện đại, khi cho rằng nội dung học tập hiện nay thường bị chia nhỏ thành những đơn vị kiến thức rời rạc, không tạo được hệ thống ý nghĩa có tính định hướng. Ông nhận định: “*A fragmented curriculum creates fragmented minds.*” (Chương trình phân mảnh sẽ tạo ra những tư duy rời rạc) (Postman, 1995, p.34)

Postman không chỉ lo ngại về mặt hình thức tổ chức chương trình mà còn nhấn mạnh nguy cơ mất đi bản sắc nhân văn trong giáo dục khi học sinh bị dẫn dắt theo lối tư duy phân mảnh – học kiến thức nhưng không biết tại sao cần học, học kỹ năng nhưng không biết gắn nó với giá trị sống. Từ đó, ông đề xuất rằng giáo dục cần được tổ chức lại theo hướng tích hợp – không chỉ tích hợp tri thức giữa các môn học, mà còn tích hợp giữa tri thức, đạo đức và văn hóa; giữa nội dung chương trình với các mục tiêu giá trị sống. Dưới góc nhìn này, giáo dục tích hợp trở thành một thiết kế văn hóa – đạo đức trong giáo dục hiện đại, chứ không đơn thuần là cải tiến kỹ thuật.

Quan điểm hiện đại hơn đến từ Heidi Hayes Jacobs (2010), người dẫn đầu phong trào cải cách chương trình theo hướng liên ngành (interdisciplinary curriculum reform). Trong cuốn *Curriculum 21: Essential Education for a Changing World*, Jacobs khẳng định rằng giáo dục tích hợp là phản ứng tất yếu trước một thế giới ngày càng phức tạp, nơi việc học cần phản ánh tính liên thông và đa chiều của tri thức. Bà viết: “*Integrated education reflects a commitment to a more holistic understanding of knowledge, moving beyond fragmented subject areas toward interdisciplinary, problem-based learning contexts.*” (Giáo dục tích hợp phản ánh cam kết đối với một cách hiểu toàn diện hơn về tri thức, vượt ra ngoài sự phân mảnh của các môn học để hướng đến những bối cảnh học tập liên ngành, dựa trên giải quyết vấn đề thực tiễn) (Jacobs, 2010, p.12)

Khác với các mô hình giáo dục theo kiểu “cộng gộp”, Jacobs đề xuất khái niệm “kết nối hệ sinh thái tri thức”, trong đó mỗi hoạt động giáo dục cần được đặt trong một mạng lưới kiến thức và kỹ năng có tính liên ngành, tích hợp với công nghệ, thực tiễn và giá trị. Cách tiếp cận này phù hợp với triết lý giáo dục của thế kỷ XXI, trong đó học sinh không chỉ cần kiến thức đúng, mà còn cần biết cách kết nối và vận dụng nó trong các ngữ cảnh xã hội, nghề nghiệp và văn hóa đa dạng.

Từ các quan điểm lý luận trên, có thể thấy giáo dục tích hợp không chỉ là một giải pháp kỹ thuật nhằm đổi mới phương pháp giảng dạy, mà là một hệ hình tư duy giáo dục, định hình lại cách nhìn nhận về vai trò của kiến thức, vai trò của người học và mục tiêu cuối cùng của giáo dục. Trong đó, nhà trường không chỉ là nơi truyền đạt tri thức, mà còn là không gian tạo dựng năng lực tổng hợp cho người học – năng lực kết nối, sáng tạo và thích ứng linh hoạt.

Bản chất của giáo dục tích hợp, do đó, không thể giản lược thành một phương pháp giảng dạy (method), mà cần được hiểu như một hệ giá trị và cấu trúc tổ chức chương trình giáo dục (educational paradigm). Đây là hướng tiếp cận phù hợp với yêu cầu phát triển toàn diện năng lực học sinh phổ thông trong bối cảnh chuyển đổi số, hội nhập quốc tế và phát triển bền vững hiện nay.

2.1.3. Giáo dục tích hợp: Phương pháp hay là bản chất?

Từ các khái niệm và quan điểm nêu trên, có thể khẳng định rằng giáo dục tích hợp trong nhà trường phổ thông không chỉ đơn thuần là một phương pháp kỹ thuật, mà là một nguyên lý tổ chức giáo dục mang tính bản chất. Giáo dục tích hợp là một tiếp cận mang tính hệ thống, làm thay đổi cách thiết kế chương trình, cách tổ chức dạy học và cả cách đánh giá kết quả học tập.

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay, đặc biệt là với tinh thần của *Chương trình giáo dục*

phổ thông 2018 tại Việt Nam, giáo dục tích hợp giữ vai trò như một trụ cột trong việc thực hiện chuyển đổi từ dạy học theo nội dung sang dạy học phát triển năng lực. Việc tổ chức các hoạt động học tích hợp, liên môn, trải nghiệm, dự án không chỉ giúp học sinh củng cố kiến thức mà còn phát triển kỹ năng thực tiễn, thái độ tích cực và năng lực giải quyết vấn đề – những phẩm chất cốt lõi của công dân thế kỷ XXI.

Vi vậy, nếu chỉ coi giáo dục tích hợp là một phương pháp giảng dạy thì sẽ không đủ để tạo ra chuyển biến thực chất trong giáo dục phổ thông. Ngược lại, cần nhìn nhận giáo dục tích hợp như một nguyên lý nền tảng định hướng cho việc thiết kế toàn bộ quá trình giáo dục: từ chương trình, nội dung, phương pháp đến môi trường học tập và đánh giá.

2.2. Thực chất giáo dục tích hợp trong nhà trường phổ thông hiện nay

2.2.1. Triển khai giáo dục tích hợp: từ định hướng chính sách đến thực tiễn nhà trường

Trong hơn một thập niên trở lại đây, giáo dục tích hợp đã được xác lập là một trong những trụ cột đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục phổ thông tại Việt Nam. Điều này được thể hiện nhất quán trong hệ thống văn bản chiến lược, từ Nghị quyết số 29-NQ/TW (2013) đến Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018. Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, Quyết định số 404/QĐ-BGDĐT ngày 22/01/2019 ban hành Tài liệu hướng dẫn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể, các tài liệu tập huấn giáo viên cốt cán cấp trung học do Vụ Giáo dục Trung học biên soạn (2020) cũng thường xuyên nhấn mạnh vai trò của dạy học tích hợp trong việc tổ chức bài học phát triển năng lực, đặc biệt thông qua các hình thức như chủ đề liên môn, học qua dự án và hoạt động trải nghiệm. Như vậy, giáo dục tích hợp trong bối cảnh Việt Nam hiện nay không còn là một đề xuất lý thuyết, mà đã trở thành nguyên tắc chính thức trong thiết kế và tổ chức chương trình giáo dục phổ thông.

Dù vậy, thực tiễn triển khai tại các nhà trường lại cho thấy khoảng cách đáng kể giữa định hướng chính sách và khả năng hiện thực hóa trong lớp học. Có thể chia tiến trình triển khai giáo dục tích hợp hiện nay thành ba cấp độ để phân tích.

Thứ nhất, ở cấp độ nhận thức, giáo viên và cán bộ quản lý vẫn có xu hướng hiểu giáo dục tích hợp như một kỹ thuật lồng ghép nội dung trong một tiết học hoặc một bài giảng, thay vì tiếp cận nó như một triết lý tổ chức tổng thể hoạt động giáo dục. Việc đồng nhất giữa “dạy học tích hợp” (một phương pháp) với “giáo dục tích hợp” (một định hướng chương trình) dẫn đến hệ quả là nhiều sáng kiến tích hợp dừng lại ở bề mặt kỹ thuật mà không có chiều sâu về tư duy thiết kế giáo dục.

Thứ hai, ở cấp độ tổ chức chương trình, chỉ một bộ phận trường học đã bước đầu xây dựng được kế hoạch giáo dục tích hợp có hệ thống. Việc tổ chức các chủ đề liên môn, hoạt động trải nghiệm theo chuỗi hoặc dự án vẫn mang tính thử nghiệm, chưa được phổ biến rộng rãi, đặc biệt tại các trường ngoài thành phố lớn. Nguyên nhân chủ yếu là thiếu mô hình mẫu, thiếu cơ chế phối hợp giữa các tổ chuyên môn, và chưa có quy trình giám sát - đánh giá cụ thể cho hoạt động tích hợp.

Thứ ba, ở cấp độ thực hành sư phạm, giáo dục tích hợp chưa được xem là hoạt động thường nhật trong các tiết học chính khóa. Giáo viên vẫn duy trì phương thức dạy học đơn môn, giảng dạy theo sách giáo khoa một cách tuyến tính, trong khi các nội dung tích hợp (như giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống, phát triển thẩm mỹ) chủ yếu được chuyển giao cho hoạt động ngoại khóa hoặc sinh hoạt chuyên đề – vốn chưa có mối liên hệ rõ ràng với chương trình chính khóa.

Từ đó có thể thấy, mặc dù hệ thống văn bản chính sách đã thiết lập nền tảng cho giáo dục tích hợp, song quá trình triển khai vẫn đang đối mặt với nhiều rào cản cả về nhận thức, năng lực thiết kế chương trình và điều kiện thực hiện. Khoảng cách giữa chủ trương và thực hành là một trong những nguyên nhân chính khiến giáo dục tích hợp trong nhà trường phổ thông hiện nay vẫn mang tính định hướng nhiều hơn là thực tiễn sâu rộng.

2.2.2. Thực trạng giáo dục tích hợp qua khảo sát tại một số địa phương tiêu biểu

Nhằm làm rõ thực chất việc triển khai giáo dục tích hợp trong nhà trường phổ thông hiện nay, nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát 216 giáo viên và cán bộ quản lý tại bốn địa phương đại diện cho các vùng địa lý và trình độ phát triển giáo dục khác nhau: Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Vinh và Huế. Bảng khảo sát gồm bảy nội dung trọng tâm, phản ánh các khía cạnh thiết yếu của giáo dục tích hợp trong nhà trường: từ mức độ xây dựng chương trình, tổ chức triển khai, đến nội dung học tập, kết nối ngoại khóa, giáo dục toàn diện, năng lực đội ngũ và hiệu quả đánh giá.

Kết quả khảo sát được tổng hợp trong bảng dưới đây, phản ánh mức độ nhận diện và triển khai giáo dục tích hợp tại các địa phương đại diện cho bối cảnh đô thị phát triển (Hà Nội, TP.HCM) và tỉnh trung tâm khu vực (Vinh, Huế). Các tiêu chí khảo sát được thiết kế để làm rõ cả ba khía cạnh chính: (1) điều kiện tổ chức chương trình; (2) nội dung và phương thức triển khai; (3) hiệu quả và phản hồi chuyên môn.

*Bảng 1. Kết quả khảo sát giáo dục tích hợp tại bốn địa phương
(Tổng mẫu khảo sát: 216 người – mỗi địa phương 54 người)*

TT	Nội dung khảo sát	Hà Nội (%)	TP.HCM (%)	Vinh (%)	Huế (%)	Trung bình (%)
1	Xây dựng chương trình giáo dục tích hợp gắn với mục tiêu đổi mới	48.1	51.9	35.2	38.9	43.5
2	Quá trình triển khai giáo dục tích hợp diễn ra thường xuyên, đồng bộ	33.3	38.9	27.8	24.1	31.0
3	Nội dung học tập tích hợp lý thuyết và thực hành rõ ràng	42.6	44.4	31.5	27.8	36.6
4	Hoạt động ngoại khóa gắn kết hiệu quả với nội dung chương trình	44.4	48.1	35.2	33.3	40.2
5	Chương trình giáo dục tích hợp giáo dục toàn diện đức – trí – thể – mỹ	29.6	33.3	24.1	22.2	27.3
6	Giáo viên được tập huấn đầy đủ về giáo dục tích hợp	27.8	31.5	22.2	18.5	25.0
7	Hiệu quả giáo dục tích hợp được đánh giá ở mức trung bình – khá trở lên	51.9	55.6	42.6	38.9	47.3

Giáo dục tích hợp tại Việt Nam hiện đang ở giai đoạn chuyển tiếp từ định hướng chính sách sang thực hành sư phạm, với những tín hiệu tích cực ban đầu tại các địa phương có điều kiện phát triển như Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh. Tỷ lệ xây dựng chương trình tích hợp và kết nối ngoại khóa đạt trên 40–50%, cho thấy tư duy tích hợp đã bước đầu hình thành trong một bộ phận nhà trường. Tuy nhiên, khảo sát toàn quốc cho thấy mức độ triển khai còn phân hóa rõ rệt, với năm trong bảy tiêu chí ghi nhận tỷ lệ dưới 40%, đặc biệt là giáo dục toàn diện (27,3%) và tập huấn giáo viên (25,0%). Sự chênh lệch này giữa các khu vực phản ánh ảnh hưởng của điều kiện vật chất, năng lực đội ngũ và cơ chế hỗ trợ tại địa phương. Việc thiếu tài liệu hướng dẫn, công cụ đánh giá và năng lực thiết kế hoạt động tích hợp vẫn là những rào cản lớn. Nếu không có hệ thống hỗ trợ đồng bộ, giáo dục tích hợp dễ trở thành hình thức, thiếu chiều sâu và khó duy trì bền vững. Vì vậy, việc nâng cao chất lượng triển khai cần được coi là nhiệm vụ cấp thiết trong chiến lược phát triển GDPT hiện nay.

2.2.3. Phân tích kết quả khảo sát: những xu hướng và vấn đề đặt ra

Kết quả khảo sát tại bốn địa phương bước đầu cho thấy giáo dục tích hợp đã được triển khai với một số tín hiệu tích cực, song vẫn tồn tại nhiều hạn chế mang tính hệ thống. Những xu hướng nổi bật dưới đây phản ánh rõ khoảng cách giữa định hướng chính sách và thực hành sư phạm tại các trường phổ thông hiện nay.

Thứ nhất, xu hướng tiếp cận tích hợp vẫn còn hình thức và thiếu chiều sâu. Dù có đến 43,5% ý kiến ghi nhận việc xây dựng chương trình tích hợp gắn với đổi mới, phần lớn nội dung vẫn mang tính lồng ghép hành chính, chưa thực sự tích hợp theo chủ đề hay theo năng lực. Thiếu hướng dẫn cụ thể, tài liệu mẫu và tâm lý phụ thuộc vào văn bản chỉ đạo khiến hoạt động thiết kế chương trình còn bị động, thiếu sáng tạo.

Thứ hai, năng lực tổ chức dạy học tích hợp của giáo viên còn hạn chế. Chỉ 25% giáo viên được khảo sát cho biết đã được tập huấn bài bản, cho thấy lỗ hổng lớn trong công tác bồi dưỡng chuyên môn. Việc tập huấn chủ yếu mới dừng ở lý thuyết, thiếu điều kiện thực hành và chia sẻ kinh nghiệm triển khai thực tế.

Thứ ba, kết nối nội dung học với thực tiễn và ngoại khóa còn yếu. Chỉ 36,6% giáo viên cho rằng, chương trình hiện hành tạo điều kiện vận dụng kiến thức vào thực tế, và 40,2% nhận định hoạt

động ngoại khóa có sự gắn kết hiệu quả với nội dung học. Điều này phản ánh sự tách biệt giữa các không gian học tập và ưu thế vẫn nghiêng về mô hình “học để thi” hơn là “học để sống”.

Thứ tư, giáo dục toàn diện và triển khai đồng bộ chưa được đảm bảo. Với tỷ lệ đồng thuận chỉ 27,3% về giáo dục đức – trí – thể – mỹ và 31% về mức độ triển khai thường xuyên, có thể thấy giáo dục tích hợp chưa được nội hóa như một cấu phần ổn định trong nhà trường. Các lĩnh vực đạo đức, thể chất và thẩm mỹ vẫn bị xem là thứ yếu hoặc phụ thuộc vào hoạt động ngoại khóa.

Từ những phân tích trên, có thể nhận thấy rằng giáo dục tích hợp trong nhà trường phổ thông Việt Nam hiện nay đang dừng lại ở mức độ thử nghiệm, định hướng và cục bộ, chưa thực sự trở thành một cấu phần vận hành ổn định và hiệu quả trong hệ thống giáo dục. Những hạn chế về nhận thức, năng lực triển khai, tính kết nối nội dung – hoạt động và hệ thống đánh giá cho thấy khoảng cách rõ rệt giữa chủ trương và thực hành, giữa lý thuyết cải cách và thực tiễn lớp học.

Trong bối cảnh giáo dục đang chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng phát triển năng lực người học và thích ứng với chuyển đổi số, việc phát huy vai trò của giáo dục tích hợp đòi hỏi những giải pháp có tính hệ thống, đồng bộ và thực tiễn. Những đề xuất sau đây nhằm hướng tới việc cụ thể hóa định hướng này, đồng thời giải quyết các nút thắt căn bản đang cản trở quá trình triển khai giáo dục tích hợp trong nhà trường phổ thông hiện nay.

2.3. Một số giải pháp đẩy mạnh giáo dục tích hợp trong bối cảnh chuyển đổi số

Giáo dục tích hợp, với vai trò là một nguyên lý tổ chức chương trình học toàn diện, cần được thúc đẩy đồng bộ trong bối cảnh chuyển đổi số và đổi mới giáo dục quốc gia. Để khắc phục các hạn chế hiện tại và chuyển hóa chủ trương thành thực tiễn bền vững, cần triển khai các giải pháp trên nhiều phương diện sau:

2.3.1. Hoàn thiện hệ thống văn bản và hướng dẫn chuyên môn về giáo dục tích hợp

Trước hết, cần cụ thể hóa các nguyên tắc giáo dục tích hợp thành các bộ hướng dẫn chuyên sâu, bao gồm: thiết kế chương trình liên môn, tổ chức chủ đề tích hợp, lồng ghép trải nghiệm thực tiễn và xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá kết quả học tập tích hợp. Bộ Giáo dục và Đào tạo nên ban hành các khung năng lực tích hợp tối thiểu và tài liệu mô tả minh họa (rubric, mẫu bài giảng tích hợp, kế hoạch bài học liên ngành...) nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên và tổ chuyên môn triển khai đồng đều tại các địa phương.

2.3.2. Đào tạo, bồi dưỡng năng lực tích hợp cho đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý

Nhằm khắc phục tình trạng giáo viên thiếu tự tin và kỹ năng trong triển khai giáo dục tích hợp, cần thiết kế chương trình bồi dưỡng tập trung vào năng lực thiết kế bài giảng tích hợp, năng lực làm việc liên môn, tổ chức trải nghiệm và đánh giá liên lĩnh vực. Chương trình tập huấn nên mang tính thực hành cao, có các tình huống mô phỏng lớp học tích hợp, kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến để mở rộng tiếp cận. Đồng thời, cán bộ quản lý nhà trường cũng cần được bồi dưỡng để hiểu sâu về vai trò quản trị chương trình tích hợp, phân phối thời lượng và huy động nguồn lực hỗ trợ.

2.3.3. Thiết kế chương trình học mở – linh hoạt – tích hợp trên nền tảng số

Trong bối cảnh chuyển đổi số, cần tái cấu trúc nội dung chương trình học phổ thông theo hướng mở – tích hợp – linh hoạt, nhằm cho phép giáo viên và học sinh lựa chọn nội dung, phương pháp và công cụ phù hợp với đặc điểm vùng miền và nhu cầu cá nhân. Các nền tảng học tập số như LMS (Learning Management System), thư viện học liệu mở (OER), và kho dữ liệu học tập tích hợp nên được xây dựng đồng bộ, cho phép chia sẻ bài giảng, mô hình lớp học tích hợp và học tập theo dự án (project-based learning).

2.3.4. Tăng cường gắn kết giữa nội dung học tập và hoạt động ngoại khóa

Một trong những điều kiện then chốt của giáo dục tích hợp là sự liên mạch giữa học tập trong lớp và trải nghiệm thực tiễn. Các trường cần xây dựng chương trình trải nghiệm theo chủ đề gắn với nội dung môn học, có kế hoạch đánh giá kết quả rõ ràng, và tổ chức theo chuỗi – không tách rời hay đơn lẻ. Các hoạt động này nên được tích hợp vào kế hoạch giáo dục nhà trường, không chỉ do giáo viên chủ nhiệm phụ trách, mà có sự tham gia của tổ chuyên môn và cán bộ quản lý.

2.3.5. Xây dựng hệ thống đánh giá tích hợp toàn diện và linh hoạt

Giáo dục tích hợp đòi hỏi phương pháp đánh giá mới, vượt khỏi bài kiểm tra định lượng đơn môn truyền thống. Cần phát triển hệ thống đánh giá theo năng lực liên ngành, kết hợp giữa định tính

(phản hồi, hồ sơ học tập, tự đánh giá) và định lượng (rubric tích hợp, bài đánh giá tổng hợp). Bộ GD&ĐT cần ban hành hướng dẫn đánh giá giáo dục tích hợp, có kèm ví dụ cụ thể để đảm bảo tính khả thi và công bằng trong triển khai.

2.3.6. Đầu tư hạ tầng công nghệ và học liệu phục vụ tích hợp

Giáo dục tích hợp trong bối cảnh chuyển đổi số không thể thiếu hệ thống công nghệ hỗ trợ. Nhà trường cần được trang bị các phòng học tích hợp linh hoạt (flexible classrooms), hệ thống mạng ổn định, thiết bị dạy học số và phần mềm quản lý học tập. Đồng thời, học liệu tích hợp – gồm video, tình huống đa phương tiện, dữ liệu thực tế... – cần được số hóa và mở rộng, tạo điều kiện cho giáo viên xây dựng các kịch bản dạy học liên môn và theo tình huống thực tiễn.

2.3.7. Thúc đẩy cơ chế phối hợp liên ngành – liên tổ chuyên môn trong nhà trường

Một rào cản lớn hiện nay là việc các tổ bộ môn hoạt động tách biệt, thiếu tương tác trong việc xây dựng chương trình tích hợp. Do đó, cần xây dựng cơ chế phối hợp liên tổ chuyên môn, khuyến khích giáo viên các môn cùng thiết kế bài học liên môn, tổ chức các buổi chia sẻ học thuật theo chủ đề tích hợp và cùng chịu trách nhiệm triển khai các hoạt động giáo dục có tính xuyên môn. Điều này không chỉ góp phần nâng cao năng lực chuyên môn tích hợp, mà còn hình thành văn hóa hợp tác sư phạm trong nhà trường.

Giáo dục tích hợp không thể triển khai thành công nếu chỉ dựa vào sự sáng tạo cá nhân hay tính tự phát ở một số trường điểm. Trong bối cảnh chuyển đổi số, các giải pháp cần đi vào thực chất – đồng bộ giữa thiết kế chương trình, đào tạo giáo viên, tổ chức hoạt động học tập, đánh giá và quản lý giáo dục. Chỉ khi đó, giáo dục tích hợp mới phát huy đúng vai trò là trụ cột đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục phổ thông, góp phần hình thành lớp học sinh có tư duy hệ thống, năng lực hành động và khả năng thích ứng cao trong xã hội hiện đại.

3. KẾT LUẬN

Giáo dục tích hợp không chỉ là một lựa chọn phương pháp sư phạm, mà là một nguyên lý tổ chức giáo dục mang tính nền tảng, định hình lại cách thức tiếp cận tri thức, phát triển năng lực và hình thành nhân cách người học. Trên cơ sở phân tích lý luận và kết quả khảo sát thực tiễn tại một số địa phương đại diện, bài viết đã chỉ ra rằng giáo dục tích hợp tại Việt Nam hiện nay tuy đã được thể chế hóa về mặt chính sách nhưng vẫn chưa thực sự đi vào chiều sâu thực hành. Những rào cản về nhận thức, tổ chức chương trình, năng lực đội ngũ và cơ chế hỗ trợ đang là nguyên nhân chính dẫn tới sự chênh lệch giữa mục tiêu và kết quả triển khai.

Trong bối cảnh chuyển đổi số và đổi mới giáo dục quốc gia, giáo dục tích hợp cần được thúc đẩy như một cấu phần cốt lõi của chương trình giáo dục phổ thông – không chỉ ở cấp độ lý thuyết mà trong toàn bộ tiến trình thiết kế, tổ chức, đánh giá và quản lý hoạt động giáo dục. Việc phát triển hệ sinh thái giáo dục tích hợp đòi hỏi những giải pháp đồng bộ từ thể chế đến thực tiễn nhà trường, nhằm bảo đảm giáo dục không chỉ là truyền thụ tri thức, mà là quá trình kiến tạo năng lực, giá trị và khả năng thích ứng bền vững cho mỗi học sinh trong thời đại biến động nhanh và phức hợp như hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018, ban hành Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*. Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2019). *Hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục phổ thông tổng thể* (Ban hành kèm theo Quyết định số 404/QĐ-BGDĐT ngày 22/01/2019). Hà Nội.
3. Dewey, J. (1916). *Democracy and Education*. New York: Macmillan. Retrieved from <https://archive.org/details/in.ernet.dli.2015.219789>
4. Drake, S. M., & Burns, R. C. (2004). *Meeting Standards Through Integrated Curriculum*. Alexandria, VA: ASCD.
5. Fogarty, R., & Pete, B. M. (2009). *How to Integrate the Curricula (3rd ed.)*. Thousand Oaks, CA: Corwin Press.
6. Jacobs, H. H. (2010). *Curriculum 21: Essential Education for a Changing World*. Alexandria, VA: ASCD.

7. Postman, N. (1995). *The End of Education: Redefining the Value of School*. New York: Vintage Books. (Bản tiếng Việt: Neil Postman. *Chung cuộc của giáo dục: Xác định lại giá trị của nhà trường* (Nguyễn Quang Kính dịch). Nxb Tri thức, Hà Nội, 2023.
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo - Vụ Giáo dục Trung học. (2020). *Tài liệu tập huấn giáo viên cốt cán cấp THCS và THPT về xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018*. Hà Nội.

INTEGRATED EDUCATION IN TODAY'S GENERAL EDUCATION SCHOOLS – ESSENCE AND SOLUTIONS

Abstract: *This study approaches integrated education as a fundamental principle of modern educational organization, clarifying the distinction between integrated teaching and integrated education, while analyzing key theoretical perspectives from Dewey, Postman, and Jacobs. Based on a survey of 216 teachers and school administrators in Hanoi, Ho Chi Minh City, Vinh, and Hue, the paper reveals that integrated education in current general schools remains largely superficial, lacks coherence in implementation, and is not yet effectively aligned with the goal of developing learner competencies. On that basis, the author proposes a comprehensive system of solutions—ranging from policy and curriculum to teacher development and technological infrastructure—to promote more substantive and effective integrated education in the context of educational reform and digital transformation.*

Keywords: *Integrated education; general education curriculum; learner competency; digital transformation; interdisciplinary teaching.*